

VFM SALES MANAGEMENT DETAIL REPORT

VFM SALES STAFF CODE Sale quản lý phụ, User khác thuộc VFM

DISTRIBUTOR CODE ALL

AREA CODE ALL

BRANCH CODE ALL

STAFF CODE ALL

FUND NAME ALL

PRODUCT TYPE ALL

FROM: 01/01/2018 TO 09/11/2018

No.	Trading account	Full name	Partner	Distributor name	Partner source	Branch	Fund code	Balance	From date holding	To date holding	Fund code status	Capital NAV price	Number days of hold	Management fee
1	999C000003	PHẠM BĂNG CHÂU	CTV THUỘC CTV	Partners	Sale quản lý phụ, User khác thuộc VFM	01 branch	VFMVF1	1,129.79	19/10/2018	10/11/2018	HOLDING	39,980.54	22	43,437
2	999C000003	PHẠM BĂNG CHÂU	CTV THUỘC CTV	Partners	Sale quản lý phụ, User khác thuộc VFM	01 branch	VFMVF1	1,662.24	06/11/2018	10/11/2018	HOLDING	39,205.87	4	3,482
3	999C000003	PHẠM BĂNG CHÂU	CTV THUỘC CTV	Partners	Sale quản lý phụ, User khác thuộc VFM	01 branch	VFMVF1	1,928.47	07/11/2018	10/11/2018	HOLDING	38,978.95	3	4,016
4	999C000003	PHẠM BĂNG CHÂU	CTV THUỘC CTV	Partners	Sale quản lý phụ, User khác thuộc VFM	01 branch	VFMVF1	2,307.60	08/11/2018	10/11/2018	HOLDING	39,075.09	2	4,817

No.	Trading account	Full name	Partner	Distributor name	Partner source	Branch	Fund code	Balance	From date holding	To date holding	Fund code status	Capital NAV price	Number days of hold	Management fee
					Sale quản lý phụ, User khác thuộc VFM									55,752
5	999C000002	PHẠM BĂNG BĂNG	CTV THUỘC ACB	Asia Commercial Bank	User khác thuộc VFM	Phuoc Binh office	VFMVF1	372.37	19/10/2018	10/11/2018	HOLDING	39,980.54	22	16,703
6	999C000002	PHẠM BĂNG BĂNG	CTV THUỘC ACB	Asia Commercial Bank	User khác thuộc VFM	Phuoc Binh office	VFMVF1	732.05	22/10/2018	23/10/2018	SOLD	40,980.54	1	1,603
7	999C000002	PHẠM BĂNG BĂNG	CTV THUỘC ACB	Asia Commercial Bank	User khác thuộc VFM	Phuoc Binh office	VFMVF1	509.93	23/10/2018	10/11/2018	HOLDING	40,980.54	18	18,979
8	999C000002	PHẠM BĂNG BĂNG	CTV THUỘC ACB	Asia Commercial Bank	User khác thuộc VFM	Phuoc Binh office	VFMVFB	1,129.79	01/11/2018	10/11/2018	HOLDING	17,569.56	9	4,351
9	999C000004	PHẠM BĂNG TRIỀU TIÊN	VFM002	VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY	User khác thuộc VFM	Branch 1	VFMVF1	363.28	22/10/2018	23/10/2018	SOLD	40,980.54	1	795
10	999C000004	PHẠM BĂNG TRIỀU TIÊN	VFM002	VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY	User khác thuộc VFM	Branch 1	VFMVF1	238.16	23/10/2018	10/11/2018	HOLDING	40,980.54	18	8,864
11	999C000093	VÕ HOÀNG ANH	CTV THUỘC ACB	Asia Commercial Bank	User khác thuộc VFM	Phuoc Binh office	VFMVF1	1,029.45	02/11/2018	10/11/2018	HOLDING	38,564.12	8	14,847
12	999P000001	CÔNG TY QUẢN LÝ QỸ	VFM005	VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY	User khác thuộc VFM	Branch 1	VFMVF1	900.77	02/11/2018	10/11/2018	HOLDING	38,564.12	8	12,991
13	999P000001	CÔNG TY QUẢN LÝ QỸ	VFM005	VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY	User khác thuộc VFM	Branch 1	VFMVF4	1,860.60	19/10/2018	22/10/2018	SOLD	39,980.54	3	11,922
14	999P000001	CÔNG TY QUẢN LÝ QỸ	VFM005	VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY	User khác thuộc VFM	Branch 1	VFMVF4	1,504.48	22/10/2018	10/11/2018	HOLDING	39,980.54	19	3,213
15	999P000001	CÔNG TY QUẢN LÝ QỸ	VFM005	VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY	User khác thuộc VFM	Branch 1	VFMVF4	2,341.11	23/10/2018	10/11/2018	HOLDING	32,100.09	18	68,253

No.	Trading account	Full name	Partner	Distributor name	Partner source	Branch	Fund code	Balance	From date holding	To date holding	Fund code status	Capital NAV price	Number days of hold	Management fee
					User khác thuộc VFM									162,521
16	003C000001	PHẠM VĂN CÔNG		Saigon Securities Inc.	SSI		VFMVF1	605.47	19/10/2018	10/11/2018	HOLDING	40,980.54	22	27,838
					SSI									27,838
					Grand Total									246,110

Date.....month.....year.....

PREPARED PERSON

Date.....month.....year.....

APPROVER